

Số: 53/QĐ-UBND

TP. Lạng Sơn, ngày 10 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp**  
**Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;*

*Căn cứ Văn bản xác nhận của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn về hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn;*

*Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo ISO thành phố.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND thành phố Lạng Sơn phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Thay thế Quyết định số 4072/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND thành phố về việc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND - UBND thành phố; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc UBND thành phố Lạng Sơn và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- BCĐ ISO tỉnh (b/c);
- Sở KH&CN (b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- BCĐ ISO TP;
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hạnh**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND THÀNH PHỐ**  
**ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**  
**TCVN ISO 9001 : 2015**

(Ban hành kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2022  
của UBND thành phố Lạng Sơn)

STT	Tên tài liệu	Mã số
<b>I. QUY TRÌNH CHUNG</b>		
1	Quy trình Kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	QT-UBND-1.
2	Quy trình Quản lý rủi ro và cơ hội	QT-UBND-2.
3	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-UBND-3.
4	Quy trình Kiểm soát và xử lý công việc không phù hợp	QT-UBND-4.
5	Quy trình hành động khắc phục	QT-UBND-5.
6	Quy trình Hợp xem xét lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	QT-UBND-6.
<b>II. QUY TRÌNH THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>		
7	<b>QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC VĂN PHÒNG HĐND - UBND</b>	
	<b>Lĩnh vực Y tế</b>	
7.1	Quy trình cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	QT-UBND-7.
	<b>Lĩnh vực Tiếp công dân</b>	
7.2	Quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	QT-UBND-8.
7.3	Quy trình tiếp công dân tại trụ sở Tiếp công dân UBND thành phố	QT-UBND-9.
8	<b>QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH</b>	
8.1	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke.	QT-UBND-10.
8.2	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”,	QT-UBND-11.

STT	Tên tài liệu	Mã số
	“Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	
8.3	Thủ tục Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản.	QT-UBND-12.
8.4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.	QT-UBND-13.
8.5	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.	QT-UBND-14.
8.6	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.	QT-UBND-15.
8.7	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.	QT-UBND-16.
8.8	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.	QT-UBND-17.
8.9	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.	QT-UBND-18.
8.10	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-UBND-19.
8.11	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-UBND-20.
8.12	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-UBND-21.
8.13	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-UBND-22.
8.14	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT-UBND-23.
8.15	Thay đổi thông tin cơ sở dịch vụ photocopy	QT-UBND-24.
8.16	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng rôn	QT-UBND-25.
8.17	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	QT-UBND-26.
8.18	Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật	QT-UBND-27.

<b>STT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số</b>
8.19	Công nhận “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa” và tương đương	QT-UBND-28.
8.20	Công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương	QT-UBND-29.
8.21	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-UBND-30.
8.22	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-UBND-31.
8.23	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-UBND-32.
8.24	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-UBND-33.
<b>9</b>	<b>QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THANH TRA</b>	
	<b>Lĩnh vực khiếu nại, tố cáo</b>	
9.1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	QT-UBND-34.
9.2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	QT-UBND-35.
9.3	Thủ tục giải quyết tố cáo	QT-UBND-36.
	<b>Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng</b>	
9.4	Quy trình thực hiện kê khai tài sản, thu nhập	QT-UBND-37.
9.5	Quy trình thực hiện công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập	QT-UBND-38.
9.6	Quy trình tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT-UBND-39.
9.7	Quy trình thực hiện việc giải trình	QT-UBND-40.
<b>10</b>	<b>QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH</b>	
	<b>Lĩnh vực Hộ kinh doanh</b>	
10.1	Giấy đề nghị ĐKKD hộ kinh doanh	QT-UBND-41.
10.2	Thông báo cấp thay đổi nội dung ĐKKD hộ kinh doanh	QT-UBND-42.
10.3	Thông báo cấp lại ĐKKD hộ kinh doanh	QT-UBND-43.

<b>STT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số</b>
10.4	Thông báo tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT-UBND-44.
10.5	Thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-UBND-45.
10.6	Giấy đề nghị ĐKKD hộ kinh doanh	QT-UBND-46.
<b>Lĩnh vực Hợp tác xã</b>		
10.7	Đăng ký kinh doanh hợp tác xã	QT-UBND-47.
10.8	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hợp tác xã	QT-UBND-48.
10.9	Đăng ký thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh hợp tác xã	QT-UBND-49.
10.10	Đăng ký thay đổi nội dung đăng kí chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX	QT-UBND-50.
10.11	Đăng ký kinh doanh khi chia hợp tác xã	QT-UBND-51.
10.12	Đăng ký kinh doanh khi tách hợp tác xã	QT-UBND-52.
10.13	Đăng ký kinh doanh khi hợp nhất hợp tác xã	QT-UBND-53.
10.14	Đăng ký kinh doanh khi sáp nhập hợp tác xã	QT-UBND-54.
10.15	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-UBND-55.
10.16	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT-UBND-56.
10.17	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-UBND-57.
10.18	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của Hợp tác xã	QT-UBND-58.
10.19	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	QT-UBND-59.
10.20	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	QT-UBND-60.
10.21	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT-UBND-61.
<b>Lĩnh vực Công sản</b>		
10.22	Quy trình báo cáo kê khai tài sản nhà nước	QT-UBND-62.

<b>STT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số</b>
10.23	Quy trình giao TSNN cho đơn vị SNCL tự chủ tài chính thuộc thẩm quyền của UBND TP	QT-UBND-63.
10.24	Quy trình mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	QT-UBND-64.
10.25	Quy trình thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-UBND-65.
10.26	Quy trình thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao QLSD tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho nhà nước	QT-UBND-66.
10.27	Quy trình thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 điều 41 của Luật QLSD tài sản công	QT-UBND-67.
10.28	Quy trình chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng QLSD tài sản công	QT-UBND-68.
10.29	Quy trình quyết định điều chuyển tài sản công	QT-UBND-69.
10.30	Quy trình bán tài sản công	QT-UBND-70.
10.31	Quy trình bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại NĐ 151/2017/NĐ-CP	QT-UBND-71.
10.32	Quy trình hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	QT-UBND-72.
10.33	Quy trình thanh lý tài sản công	QT-UBND-73.
10.34	Quy trình tiêu hủy tài sản công	QT-UBND-74.
10.35	Quy trình xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	QT-UBND-75.
10.36	Quy trình thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	QT-UBND-76.
10.37	Quy trình mua quyền hóa đơn tài sản công	QT-UBND-77.
10.38	Quy trình mua hóa đơn lẻ tài sản công	QT-UBND-78.
<b>11</b>	<b>QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KINH TẾ</b>	

STT	Tên tài liệu	Mã số
<b>Lĩnh vực Công thương</b>		
11.1	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-UBND-79.
11.2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-UBND-80.
11.3	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-UBND-81.
11.4	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	QT-UBND-82.
11.5	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	QT-UBND-83.
11.6	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	QT-UBND-84.
11.7	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-UBND-85.
11.8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-UBND-86.
11.9	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-UBND-87.
11.10	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	QT-UBND-88.
11.11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-UBND-89.
11.12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-UBND-90.
11.13	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.	QT-UBND-91.
11.14	Thẩm định phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-UBND-92.
11.15	Thẩm định phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-UBND-93.
<b>Lĩnh vực Nông - Lâm nghiệp và Phát triển nông thôn</b>		
11.16	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	QT-UBND-94.
11.17	Thủ tục Bố trí ổn định dân cư trong huyện	QT-UBND-95.
11.18	Hỗ trợ dự án liên kết	QT-UBND-96.
11.19	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực	QT-UBND-97.



<b>STT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số</b>
	phẩm Nông lâm thủy sản	
11.20	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm Nông lâm thủy sản	QT-UBND-98.
11.21	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm Nông lâm thủy sản	QT-UBND-99.
11.22	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt)	QT-UBND-100.
11.23	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT-UBND-101.
11.24	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT-UBND-102.
11.25	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT-UBND-103.
11.26	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT-UBND-104.
<b>12</b>	<b>QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>	
	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>	
12.1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	QT-UBND-105.
12.2	Tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	QT-UBND-106.
12.3	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	QT-UBND-107.
12.4	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ Cấp xã, phường hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật; người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	QT-UBND-108.
12.5	Thực hiện trợ Cấp xã, phường hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thành phố thuộc tỉnh	QT-UBND-109.

STT	Tên tài liệu	Mã số
12.6	Thực hiện trợ Cấp xã, phường hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các huyện, thành phố thuộc tỉnh	QT-UBND-110.
12.7	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-UBND-111.
12.8	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	QT-UBND-112.
12.9	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	QT-UBND-113.
12.10	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-UBND-114.
12.11	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	QT-UBND-115.
12.12	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của thành phố	QT-UBND-116.
12.13	Cấp lại; điều chỉnh giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của thành phố	QT-UBND-117.
<b>Lĩnh vực Lao động tiền lương - Bảo hiểm xã hội</b>		
12.14	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	QT-UBND-118.
12.15	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT-UBND-119.
<b>Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội</b>		
12.16	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-UBND-120.
12.17	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QT-UBND-121.
12.18	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QT-UBND-122.
<b>Lĩnh vực Người có công</b>		
12.19	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-UBND-123.
12.20	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện,	QT-UBND-124.

STT	Tên tài liệu	Mã số
	dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	
12.21	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần.	QT-UBND-125.
12.22	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hằng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần.	QT-UBND-126.
12.23	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ.	QT-UBND-127.
12.24	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.	QT-UBND-128.
12.25	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	QT-UBND-129.
12.26	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	QT-UBND-130.
12.27	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.	QT-UBND-131.
12.28	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	QT-UBND-132.
12.29	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	QT-UBND-133.
12.30	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	QT-UBND-134.
12.31	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng.	QT-UBND-135.
12.32	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết.	QT-UBND-136.
12.33	Thủ tục đổi hoặc cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”.	QT-UBND-137.
<b>13</b>	<b>QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>	
13.1	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục;	QT-UBND-138.

STT	Tên tài liệu	Mã số
13.2	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục;	QT-UBND-139.
13.3	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại;	QT-UBND-140.
13.4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở;	QT-UBND-141.
13.5	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường);	QT-UBND-142.
13.6	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú;	QT-UBND-143.
13.7	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục;	QT-UBND-144.
13.8	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú;	QT-UBND-145.
13.9	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú;	QT-UBND-146.
13.10	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục;	QT-UBND-147.
13.11	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục;	QT-UBND-148.
13.12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại;	QT-UBND-149.
13.13	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học;	QT-UBND-150.
13.14	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học);	QT-UBND-151.
13.15	Thành lập Trung tâm học tập cộng đồng;	QT-UBND-152.
13.16	Cho phép Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại;	QT-UBND-153.
13.17	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục;	QT-UBND-154.
13.18	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục;-	QT-UBND-155.
13.19	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục;	QT-UBND-156.
13.20	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại;	QT-UBND-157.
13.21	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho	QT-UBND-158.

STT	Tên tài liệu	Mã số
	phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục;	
13.22	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục;	QT-UBND-159.
13.23	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại;	QT-UBND-160.
13.24	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục;	QT-UBND-161.
13.25	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục;	QT-UBND-162.
13.26	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại;	QT-UBND-163.
13.27	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở;	QT-UBND-164.
13.28	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường);	QT-UBND-165.
13.29	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú;	QT-UBND-166.
13.30	Chuyên trường đối với học sinh trung học cơ sở;	QT-UBND-167.
13.31	Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, THCS ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;	QT-UBND-168.
13.32	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh THCS, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người (đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập);	QT-UBND-169.
13.33	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo;	QT-UBND-170.
13.34	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (đối với trường PTDNTN cấp huyện chỉ đào tạo cấp THCS).	QT-UBND-171.